TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H V T
TỈNH T

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20- 6- 2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H V T - TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hải; Bà Hà Thị Mơ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Toà án nhân dân huyện H V T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H V T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn- Kiểm sát viên.

-Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H V T, tỉnh T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N T M, sinh năm 1986
- Bị đơn: Chị N M P, sinh năm 1984

Đều có địa chỉ: khu C, xã L, huyện L, tỉnh T

(ChịM, vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và bản tự khai ngày 29/02/2024, nguyên đơn là chị N T M trình bày: Chị và anh N M P, tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H V T, tỉnh T ngày 23/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ đẻ của anh P tại xã L, huyện H V T, anh P làm nghề thợ xây, còn chị M thì ở nhà. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, H phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, mâu thuẫn là do anh P uống rượu say về chửi, đuổi chị M và không chung thuỷ với chịM, không quan tâm đến chị M và con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, anh P bỏ đi làm ăn, vợ chồng đã sống ly thân nhau kể từ cuối năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh P và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N T M trình bày, vợ chồng có 03 con chung là N T M H,

sinh ngày 16/7/2012; N T H, sinh ngày 24/01/2015; N T D, sinh ngày 18/7/2017, hiện nay các con chung đang ở với chị M kể từ khi vợ chồng sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, chịM xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu anh N M P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị N T M không đề nghị Toà án giải quyết.

Anh N M P: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, đã được Toà án nhân dân huyện Yên Lập triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Toà án không lấy được lời khai của anh P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức, anh P cũng không gửi hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nhân dân huyện H V T.

Quá trình giải quyết vụ án các cháu N T M H, N T H, N T D, đều có ý kiến: nếu bố, mẹ của các cháu ly hôn thì các cháu xin được ở với mẹ là chị N T M.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H V T đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị M và anh P. Kết quả xác minh tại chính quyền địa P, khu dân cư và gia đình anh P đã xác nhận: Chị N T M và anh N M P, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh T, ngày 23/03/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, do anh P thường xuyên uống rượu say, đánh chửi chịM và các con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng và hiện nay đang sống ly thân, anh P đi làm ăn không ở địa P, còn làm ở đâu địa P không biết. Nay chịM xin ly hôn anh P, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

- Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh N M P đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà anh P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N T M được ly hôn anh N M P.

- Về con chung: Giao cho chị N T M trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là N T M H, sinh ngày 16/7/2012; N T H, sinh ngày 24/01/2015; N T D, sinh ngày 18/7/2017, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh N M P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chịM không yêu cầu.

Anh N M P được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị N T M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị N T M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H V T giải quyết việc ly hôn với bị đơn anh N M P, có hộ khẩu thường trú tại khu C, xã Thượng Long, huyện L, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N T M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện H V T đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với anh N M P nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do nên chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N M P đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn anh N M P là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị N T M và anh N M P, đảm bảo các điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa P, khu dân cư, gia đình nơi vợ chồng sinh sống đã xác nhận: Trong quan hệ hôn nhân giữa chịM và anh P đã phát sinh những mâu thuẫn, từ đó dẫn đến chịM và anh P đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án chị N T M vẫn giữ quan điểm là xin được ly hôn anh N M P. Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần những vẫn không đến để giải quyết. Điều đó cũng thể hiện chịM và anh P không mong muốn hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn.

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa chị N T M và anh N M P đã phát sinh những mâu thuẫn, mâu thuẫn này là trầm trọng từ đó dẫn đến vợ chồng sống ly thân, vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chịM xin ly hôn anh P là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chịM là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N T M có quan điểm là xin được nuôi 03 con chung. Quá trình giải quyết vụ án các cháu N T M H, N T H, N T D, đều có ý kiến xin được ở với chị N T M. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, anh N M P đều vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến trình bày về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Để bảo vệ quyền lợi cho trẻ nhỏ được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất nên cần giao cả 03 con chung cho

chịM trực tiếp nuôi dưỡng, anh N M P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chịM không yêu cầu là phù hợp.

[4].Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Do chị N T M không yêu cầu giải quyết, anh N M P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[5].Về án phí: Chị N T M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1,3 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1].Về quan hệ hôn nhân: Chị N T M được ly hôn anh N M P.

[2]. Về con chung: Giao cho chị N T M trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: N T M H, sinh ngày 16/7/2012; N T H, sinh ngày 24/01/2015; N T D, sinh ngày 18/7/2017, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh N M P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chịM không yêu cầu.

Anh N M P được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị N T M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chịM đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006372 ngày 29/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh T. Chị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện H V T;
- VKSND tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

Đỗ Thị Thảo

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút ngày 16/4/2024. Đã thông qua cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thảo